



TỔNG CỤC THUẾ

THÔNG TƯ SỐ 86/2024/TT-BTC

NHỮNG ĐIỂM MỚI CẦN LƯU Ý

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025



MỤC TIÊU CỦA THÔNG TƯ

Triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho MST

Cải cách TTHC

Khắc phục một số bất cập, vướng mắc của TT 105/2020/TT-BTC

KẾT CẤU CỦA THÔNG TƯ

Điểm mới: Gồm 04 chương và **40 điều**, trong đó **tách riêng** quy định cho **NNT là tổ chức** (Chương II, từ Điều 7 đến Điều 21) và **NNT là hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân** (Chương III, từ Điều 22 đến Điều 34); điều quy định về **công khai thông tin ĐKT** được gộp vào **Chương IV** (Tổ chức thực hiện).

Trước đây: TT 105/2020/TT-BTC gồm 04 chương và **25 Điều**, trong đó các điều quy định cụ thể về thủ tục về ĐKT được **kết cấu chung** tại Chương II (từ Điều 7 đến Điều 21); điều quy định về **công khai thông tin ĐKT** được **kết cấu thành chương riêng** (Chương III).



NỘI DUNG ĐIỂM MỚI

01

ĐIỂM MỚI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC- 30

02

**ĐIỂM MỚI ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH,
HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN - 24**

03

NỘI DUNG KHÁC - 4



1.

**ĐIỀU MỚI ĐỐI VỚI
NGƯỜI NỘP THUẾ LÀ TỔ CHỨC
(Hiệu lực áp dụng từ 06/02/2025)**

1.1. Đối tượng ĐKT

Điểm mới 1

Bỏ liệt kê các DN đăng ký theo pháp luật chuyên ngành (điểm a Khoản 2 Điều 4).

⇒ Tránh việc pháp luật chuyên ngành sửa đổi sẽ ảnh hưởng đến quy định tại TT.

Trước đây

Liệt kê một số DN đăng ký theo pháp luật chuyên ngành: bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, luật sư, công chứng (điểm a khoản 2 Điều 4 TT 105/2020/TT-BTC).

1.1. Đối tượng ĐKT (Đ4)

Điểm mới 2

Loại trừ tổ hợp tác đăng ký theo cơ chế một cửa liên thông cùng với ĐKKD.
=> Tổ hợp tác ĐKT trực tiếp với CQT là:
Tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP nhưng không thuộc trường hợp ĐKKD qua CQĐKKD theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật HTX (điểm b Khoản 2 Điều 4).

Trước đây

Chưa loại trừ tổ hợp tác đăng ký theo cơ chế một cửa liên thông cùng với ĐKKD (điểm b khoản 2 Điều 4 TT 105/2020/TT-BTC).

1.2. Cấu trúc MST (Đ5)

Điểm mới 3

MST cấp cho NTNN đăng ký nộp thuế trực tiếp với CQT: Bổ sung quy định đối với trường hợp **có nhiều NTNN trên cùng một hợp đồng nhà thầu** ký với bên Việt Nam và các nhà thầu có nhu cầu kê khai, nộp thuế riêng thì **mỗi NTNN được cấp riêng một MST 10 số** (điểm d khoản 4 Điều 5).

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

1.2. Cấu trúc MST (Đ 5)

Điểm mới 4

Sửa quy định cấp MST nộp thay cho tổ chức có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh: NNT chỉ đăng ký cấp MST nộp thay **nếu có nhu cầu** cấp MST riêng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh (điểm e khoản 4 Điều 5)

Lưu ý: MST nộp thay chỉ sử dụng khai thuế, nộp thuế. Trường hợp NNT sử dụng MST của tổ chức được giao quản lý hợp đồng, văn bản hợp tác kinh doanh thì không phải cấp MST nộp thay.

Trước đây

Chưa nêu rõ quy định này. Do đó, việc sử dụng MST nộp thay của hợp đồng, văn bản hợp tác kinh doanh gặp vướng mắc trong việc sử dụng hóa đơn GTGT và hoàn thuế GTGT.



1.4. Thủ tục thay đổi thông tin ĐKT (Đ 11)

Điểm mới 8

Sửa cách xác định thời hạn ban hành Thông báo về việc NNT chuyển địa điểm mẫu số 09-MST: **ràng buộc trách nhiệm NNT phải hoàn thành nghĩa vụ với CQT nơi chuyển đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 NĐ 126/2020/NĐ-CP (điểm a khoản 2 Điều 11).**

Trước đây

Chưa ràng buộc trách nhiệm của NNT trong việc hoàn thành nghĩa vụ với CQT nơi chuyển đi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 NĐ 126/2020/NĐ-CP (điểm a khoản 2 Điều 11 TT 105/2020/TT-BTC)



1.4. Thủ tục thay đổi thông tin ĐKT (Đ 11)

Đối với NNT đã hoàn thành chuyển địa điểm tại CQT nơi chuyển đi nhưng không nộp hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở tại CQĐKKD hoặc tại CQT nơi chuyển đến

Điểm mới 9

- ✓ CQT gửi Thông báo giải trình, bổ sung thông tin tài liệu mẫu số 01/TB-BSTT-NNT qua **địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của NNT** theo thông tin ĐKT (điểm b khoản 3 Điều 11).
- ✓ **CQT nơi đi** ban hành Thông báo NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, chuyển trạng thái và công khai thông tin trên Cổng TTĐT (điểm c khoản 3 Điều 11)

Trước đây

- ✓ Chưa có quy định CQT gửi Thông báo giải trình, bổ sung thông tin tài liệu mẫu số 01/TB-BSTT-NNT qua **địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của NNT** (điểm b khoản 3 Điều 11 TT 105/2020/TT-BTC).
- ✓ **CQT nơi đến** ban hành Thông báo NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, chuyển trạng thái và công khai thông tin trên Cổng TTĐT (điểm c khoản 3 Điều 11 TT 105/2020/TT-BTC)



1.5. Thủ tục tạm ngừng HĐ, KD (Đ 12, 13)

Điểm mới 10

CQT không cập nhật trạng thái tạm ngừng hoạt động kinh doanh trên Hệ thống ứng dụng ĐKT đối với

- ✓ Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác nếu **được CQĐKKD chấp thuận tạm ngừng kinh doanh** theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh **sau khi CQT ban hành Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký** (khoản 2 Điều 12).

Điểm mới 11

- ✓ Văn bản chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với NNT đăng ký thuế trực tiếp với CQT (khoản 2 Điều 13).

Trước đây

Chưa có quy định cụ thể về nội dung này (khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 13 TT 105/2020/TT-BTC).



1.6. Thủ tục chấm dứt hiệu lực MST

a) Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế (Điều 14):

Điểm mới 12

Bổ sung quy định về **hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST** đối với DN, HTX, tổ hợp tác, ĐVPT của DN, ĐVPT của HTX đang **bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký**:

Trước khi nộp HS giải thể DN, HTX (bao gồm cả trường hợp giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc), hoặc chấm dứt hoạt động ĐVPT tại CQĐKKD, NNT phải đến CQT quản lý trực tiếp để nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST và thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định (khoản 3 Điều 14).

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.



1.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

b) Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST và trả kết quả (Điều 16):

Điểm mới 14

Bổ sung quy định trường hợp người nộp thuế đã có hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không hoàn thành nghĩa vụ thuế, sau đó nếu cơ quan thuế thực hiện xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký và có kết quả là người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế là 06, lý do tương ứng với hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế.

Điểm mới 16

Bổ sung quy định trường hợp người nộp thuế đã có hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không hoàn thành nghĩa vụ thuế, sau đó nếu cơ quan thuế thực hiện xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký và có kết quả là người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế cập nhật trạng thái mã số thuế là 06, lý do tương ứng với hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế.

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

1.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

c) Về chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với NNT06 (Điều 17):

Điểm mới 17

Bổ sung các trường hợp thuộc diện xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (điểm đ, e, g khoản 1) mà NNT được phân loại rủi ro:

+ Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử mà người nộp thuế được phân loại rủi ro theo quy định tại Điều 15 dự thảo NĐ sửa đổi bs NĐ 123- Lưu ý: quy định này có hiệu lực cùng với hiệu lực của Nghị định hóa đơn, đồng thời TCT đang xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số để áp dụng theo hiệu lực của NĐ này.

+ NNT đăng ký thuế lần đầu hoặc khi thay đổi thông tin đăng ký thuế bao gồm cả đăng ký theo cơ chế 1 cửa liên thông và đăng ký trực tiếp tại CQT, TCT sẽ xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số để áp dụng theo hiệu lực của Thông tư 86.

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

1.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

c) Về chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với NNT06 (Điều 17):

Điểm mới 18

Bổ sung trạng thái 09 “Người nộp thuế chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” với các lý do tương ứng với từng trường hợp phải xác minh tình trạng hoạt động, đồng thời bổ sung quy định cơ quan thuế gửi thông tin về việc người nộp thuế thuộc trường hợp chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đến tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế; địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế hoặc qua ứng dụng EtaxMobile, VneID của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế... Lưu ý:

- CQT được yêu cầu NNT giải trình trực tiếp tại trụ sở CQT hoặc gửi hồ sơ, tài liệu giải trình, bổ sung
- Thời gian NNT giải trình, bổ sung không tính trong thời gian giải quyết hồ sơ của NNT, CQT chỉ giải quyết hồ sơ khi NNT được CQT chấp thuận giải trình, bổ sung..

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

1.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

c) Về chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với NNT06 (Điều 17):

Điểm mới 19:

- Bổ sung thời hạn xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đăng ký của NNT là 5 ngày làm việc kể từ ngày chuyển TT09;
- Bổ quy định gửi Thông báo NNT không hoạt động tại địa chỉ đăng ký bằng giấy
- Bổ sung quy định về việc xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với người nộp thuế **sau khi cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và bổ sung các lý do của TT06 tương ứng với từng trường hợp:**
 - + Trường hợp NNT06 muốn giải thể, chấm dứt hoạt động (bao gồm cả giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc), người nộp thuế phải nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến CQT, CQT xử lý hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn; không bắt buộc cơ quan thuế xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.
 - + Trong thời hạn **03 (ba) ngày làm việc** kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ, cơ quan thuế thực hiện chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái 06 lý do 03 trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; sau đó chuyển **trạng thái 01**.

1.5. Khôi phục mã số thuế

a) Về hồ sơ khôi phục mã số thuế (Điều 18, 19)

Điểm mới 20, 24, 26

Đối với hồ sơ khôi phục mã số thuế trong trường hợp người nộp thuế bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, Thông tư 86/2024/TT-BTC bổ sung quy định đối với trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở, **người nộp thuế phải ghi địa chỉ trụ sở hiện tại và giải trình lý do trong văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế, đồng thời nộp kèm hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.**

CQT xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ mới

NNT phải chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

1.5. Khôi phục mã số thuế

a) Về hồ sơ khôi phục mã số thuế (Điều 18)

Điểm mới 21, 23,

Bổ sung trường hợp và hồ sơ khôi phục MST đối với đơn vị chủ quản hoặc đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do chấm dứt hoạt động đến cơ quan thuế nhưng chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh, sau đó có văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc (điểm d khoản 1).

Cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản thông báo cho cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc để yêu cầu đơn vị phụ thuộc hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi khôi phục mã số thuế.

Trường hợp đơn vị phụ thuộc không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thuế thì đơn vị chủ quản có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc trước khi khôi phục mã số thuế.

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

1.5. Khôi phục mã số thuế

b) Về xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế và trả kết quả (Điều 19)

Điểm mới 26

Bổ sung quy định Cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc mã số thuế không được khôi phục mẫu số 38/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư 86 gửi cho người nộp thuế trong các trường hợp:

- **NNT chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế**
- **NNT khi xác minh địa chỉ tại thời điểm khôi phục vẫn không hoạt động tại địa chỉ đăng ký hoặc CQT quyết định không khôi phục khi có rủi ro**

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

1.5. Khôi phục mã số thuế

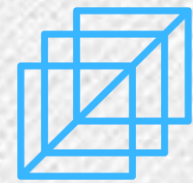
b) Về xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế và trả kết quả (Điều 39 khoản 3)

Điểm mới 28

Bổ sung quy định khôi phục MST do cơ quan thuế sai, sót hoặc nộp bổ sung nghĩa vụ thuế.

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.



2.

ĐIỂM MỚI ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

(Hiệu lực áp dụng:

- **Từ 6/2/2025 đối với hồ sơ, thủ tục đăng ký thuế;**
- **Từ 01/7/2025 đối với việc sử dụng mã định danh cá nhân làm MST)**

2.1. Đối tượng ĐKT (Điều 4)

Điểm mới 31

Bổ sung đối tượng là **cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam** có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam (điểm e khoản 2 Điều 4).

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa bao gồm đối tượng này, Thông tư số 80/2020/TT-BTC chỉ quy định đối với tổ chức là nhà CCNN.

2.1. Đối tượng ĐKT (Điều 4)

Điểm mới 32

Loại trừ HKD đăng ký theo cơ chế một cửa liên thông với ĐKKD

=> Đối tượng ĐKT trực tiếp với cơ quan thuế là *Hộ gia đình, cá nhân có hoạt động SXKD HH, DV theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký hộ kinh doanh qua CQĐKKD theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh (điểm i Khoản 2 Điều 4)* để xử lý đăng ký thuế cho trường hợp địa điểm kinh doanh là căn hộ chung cư...

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC **chưa loại trừ** HKD đăng ký theo cơ chế một cửa liên thông với ĐKKD.

2.2. Cấu trúc MST (Điều 5)

Điểm mới 33

Số định danh cá nhân của công dân Việt Nam do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước **được sử dụng thay** cho **MST** của cá nhân, người phụ thuộc; đồng thời, số **định danh cá nhân của người đại diện** hộ gia đình, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh **được sử dụng thay** cho **mã số thuế** của hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đó (Khoản 5 Điều 5) kể từ 1/7/2025

Từ nay đến trước 1/7/2025: cá nhân có số định danh cá nhân vẫn được CQT cấp MST 10 số như hiện hành.

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

2.2. Cấu trúc MST (Điều 5)

Điểm mới 34

Bỏ quy định cấp mã số thuế 13 chữ số cho các địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (trường hợp không có số định danh cá nhân).

Hiệu lực áp dụng từ 1/7/2025.

Từ nay đến trước 1/7/2025: CQĐKKD, CQTvấn cấp MST 13 số cho mỗi địa điểm kinh doanh như hiện hành.

Trước đây

Cấp mã số thuế 13 chữ số cho các địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2.3. Thủ tục ĐKT lần đầu (Điều 22)

Điểm mới 36

Địa điểm ĐKT lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh:

- ✓ Tại CCT hoặc CCT khu vực nơi đặt địa điểm KD trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có địa điểm KD cố định;
- ✓ Tại CCT hoặc CCT khu vực nơi cư trú của cá nhân KD trong trường hợp cá nhân KD không có địa điểm KD cố định;
- ✓ Tại CCT hoặc CCT khu vực nơi cá nhân cho thuê BĐS.

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa quy định cụ thể

2.1. Thủ tục ĐKT lần đầu (Điều 22, 40)

Điểm mới 37

Hồ sơ đối với cá nhân Việt Nam:

- ✓ Chỉ cần khai 03 thông tin: Họ và tên, số định danh cá nhân, ngày tháng năm sinh đảm bảo khớp đúng với CSDLQGDC, không phải khai địa chỉ thường trú, địa chỉ hiện tại.
- ✓ Bỏ bản sao CMND/CCCD của cá nhân.
- ✓ **Nếu chưa được cấp số ĐDCN thì phải liên hệ với Công an cấp xã để cấp số ĐDCN trước khi thực hiện thủ tục ĐKT với CQT.**
- ✓ **Thông tin định danh khớp đúng CSDLQGDC, CQT thông báo MST qua sdt hoặc thư điện tử và được sử dụng đến 30/6/2025. Từ 1/7/2025, sử dụng số định danh cá nhân làm MST**

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

2.1. Thủ tục ĐKT lần đầu (Điều 36)

Điểm mới 38, 41

Đối với cá nhân nước ngoài:

- ✓ TH cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử Mức 2 để thực hiện thủ tục ĐKT thì không phải nộp bản sao hộ chiếu nếu hộ chiếu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử (khoản 2 Điều 36).
- ✓ Kết quả ĐKT: Giảm còn 01 mẫu Thông báo mã số thuế cá nhân; bỏ các mẫu: 12-MST, 21-MST, 22-MST.

Trước đây

Thông tư số
105/2020/TT-BTC
chưa có quy định này.

2.2. Thủ tục thay đổi thông tin ĐKT (Điều 26)

Thay đổi địa điểm kinh doanh làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp – bao gồm cả trường hợp ĐKKD qua 1 cửa liên thông và trực tiếp tại CQT (Điều 26):

Điểm mới 42, 43

* Sửa thời hạn ban hành Thông báo NNT chuyển địa điểm kinh doanh:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày NNT hoàn thành nghĩa vụ thuế với CQT nơi chuyển đi
- NNT đã hoàn thành nghĩa vụ thuế với CQT nơi chuyển đi: 5 ngày lv kể từ ngày ký QĐ XPVPHC hoặc ký kết luận kiểm tra hoặc 7 ngày lv tiếp nhận hồ sơ nếu NNT không thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở
- Sửa quy định NNT đã hoàn thành chuyển địa điểm nơi đi nhưng không làm thủ tục với CQT nơi đến: CQT nơi đi ban hành Thông báo NNT không hoạt

động tại địa chỉ đăng ký

Trước đây

Thông tư
số

105/2020/T
T-BTC

chưa có
quy định
này.

2.3. Tạm ngừng hoạt động, kinh doanh

a) Về thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn (Điều 27):

Điểm mới 44

Sửa đổi, bổ sung quy định tạm ngừng đối với hộ kinh doanh sau khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký như sau:

+ Sau khi cơ quan thuế đã ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, hộ kinh doanh phải thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế trước khi đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh.

+ Trường hợp hộ kinh doanh không thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế nhưng được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận tạm ngừng kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ kinh doanh, cơ quan thuế không cập nhật trạng thái tạm ngừng hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Trước đây

Tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa quy định cụ thể về nội dung này.

2.3. Tạm ngừng hoạt động, kinh doanh

b) Xử lý Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn (Điều 28):

Điểm mới 45

Bổ sung quy định xử lý đối với trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thuế cùng với đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế cập nhật thông tin tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh của hộ kinh doanh vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế khi nhận được giao dịch trao đổi thông tin về tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (Khoản 2).

Trước đây

Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

2.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

a) Về hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế (Điều 29)

a.1) Đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh:

Điểm mới 46

Sửa đổi hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST đối với hộ kinh doanh trong trường hợp chấm dứt hoạt động kinh doanh là thông tin về chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh

Trước đây

Theo quy định tại điểm điểm c khoản 1 Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh cho cơ quan thuế.



2.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

b) Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế và trả kết quả (Điều 31)

b.1) Đối với hộ kinh doanh ĐKT theo cơ chế một cửa liên thông với ĐKKD

Điểm mới 46

Bổ sung xử lý khi nhận được thông tin chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh do Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh truyền sang hoặc thông báo chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh của cá nhân kinh doanh, cơ quan thuế quản lý khoản thu tại nơi có địa điểm kinh doanh thực hiện phối hợp với cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để đơn đốc, xử lý nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh, xử lý bù trừ nghĩa vụ thuế hoặc hoàn trả theo quy định của pháp luật. Theo đó, không còn yêu cầu người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế của địa điểm kinh doanh trước khi chấm dứt địa điểm kinh doanh.

Trước đây

Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì khi địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động, cơ quan thuế xử lý theo trình tự chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trong đó yêu cầu người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế của địa điểm kinh doanh trước khi chấm dứt mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

2.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

b) Xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế và trả kết quả (Điều 31)

b.1) Đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh:

Điểm mới 46

Sửa đổi quy định xử lý chấm dứt hiệu lực MST đối với hộ kinh doanh khi cơ quan thuế nhận được giao dịch chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh.

Trước đây

Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì cơ quan thuế xử lý khi nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh.



2.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

a) Về hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế (Điều 29)

a.2) Đối với hộ gia đình, cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với CQT

Điểm mới 47

Thông tư số 86/2024/TT-BTC bỏ thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Thay bằng thủ tục: Khi cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh ngoài địa điểm đăng ký trụ sở, cá nhân kinh doanh chỉ cần thông báo về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế quản lý khoản thu tại nơi có địa điểm kinh doanh.

Trước đây

Theo quy định tại điểm điểm khoản 1 Điều 18 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với từng địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2.4. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

c) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (Điều 32):

Điểm mới 48

Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế liên thông, phù hợp với việc bỏ quy định cấp MST 13 số cho địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC quy định chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo từng địa điểm kinh doanh.



2.5. Khôi phục mã số thuế

a) Hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế (Điều 33)

a.1) Đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh

Điểm mới 49

Sửa đổi hồ sơ khôi phục MST đối với hộ kinh doanh là thông tin khôi phục tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh.

Trước đây

Theo quy định tại điểm điểm a, c khoản 1 Điều 18 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế cho cơ quan thuế

2.5. Khôi phục mã số thuế

b) Xử lý hồ sơ khôi phục mã số thuế và trả kết quả (Điều 34)

b.1) Đối với hộ kinh doanh đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông với đăng ký kinh doanh:

Điểm mới 51

Sửa đổi quy định xử lý khôi phục MST đối với hộ kinh doanh khi cơ quan thuế nhận được giao dịch khôi phục tình trạng pháp lý do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh.

Trước đây

Theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 19 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì cơ quan thuế xử lý khôi phục mã số thuế khi nhận được hồ sơ khôi phục mã số thuế của hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh.



2.5. Khôi phục mã số thuế

a) Hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế (Điều 33)

a.2) Đối với hộ gia đình, cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

Điểm mới 50

Thông tư số 86/2024/TT-BTC chỉ quy định hồ sơ khôi phục mã số thuế trong trường hợp người nộp thuế đã bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế với lý do chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, sau đó có Quyết định của Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố cá nhân là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Trước đây

Theo quy định tại điểm điểm khoản 1 Điều 18 Thông tư số 105/2020/TT-BTC thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế khi khôi phục hoạt động theo từng địa điểm kinh doanh.



2.5. Khôi phục mã số thuế

Điểm mới 52

CQT có trách nhiệm xử lý khôi phục MST của NNT trong các trường hợp :

- ✓ Chấm dứt hiệu lực MST không đúng trường hợp quy định.
- ✓ Chấm dứt hiệu lực MST không đầy đủ trình tự, thủ tục quy định.
- ✓ Để phục vụ xử lý các nghiệp vụ yêu cầu phải sử dụng MST trong trường hợp NNT phát sinh thêm các nghĩa vụ với NSNN theo kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

(khoản 3 Điều 40)

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.



4. Hiệu lực thi hành (Điều 38)

Đối với người Việt Nam

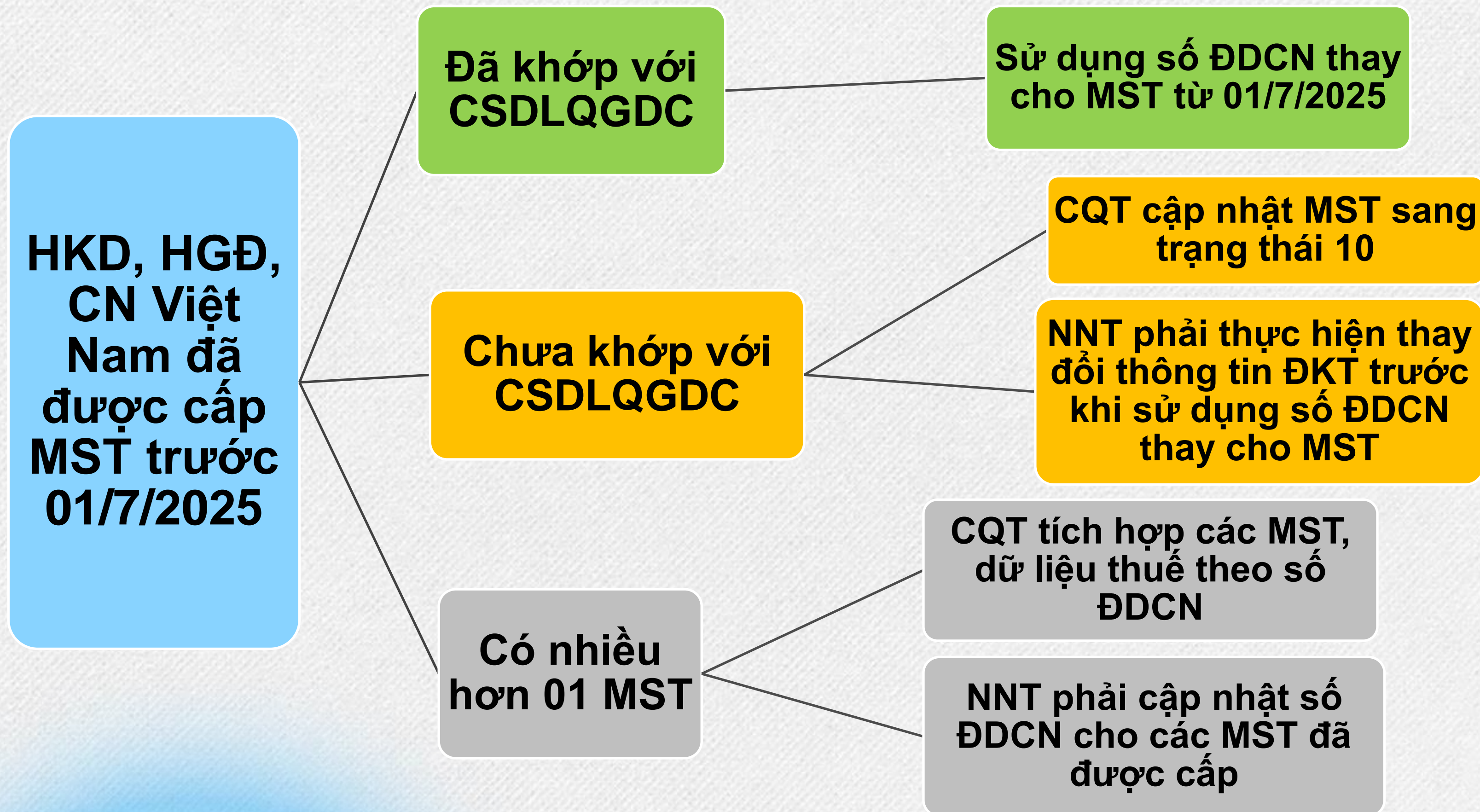
- Từ **06/02/2025** đến **30/06/2025**: HKD, HGD, CN vẫn sử dụng MST do CQT cấp.
- Từ **01/07/2025** trở đi: HKD, HGD, CN sử dụng số định danh cá nhân thay cho MST.

Đối với người nước ngoài, người VN sinh sống tại nước ngoài không có số ĐDCN

- Hiệu lực thi hành từ ngày **06/02/2025**



4. Quy định chuyển tiếp (Điều 39)





4. Quy định chuyển tiếp (Điều 39)

- NNT tra cứu thông tin Khớp đúng/Không khớp đúng với CSDLQGDC tại:
 - ✓ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế: <https://www.gdt.gov.vn>.
 - ✓ Trang Thuế điện tử của Tổng cục Thuế: thuedientu.gdt.gov.vn.
 - ✓ Tài khoản giao dịch thuế điện tử của cá nhân tại ứng dụng **icanhan hoặc eTaxMobile** (nếu cá nhân đã được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử với CQT).



3.

NỘI DUNG KHÁC

3.1. Phạm vi điều chỉnh

Điểm mới

Bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với biện pháp thực hiện chức năng quản lý thuế đối với ĐKT (Điều 1).

Trước đây

TT 105/2020/TT-BTC chưa bao gồm nội dung này.



3.2. Tổ chức thực hiện

Điểm mới

Bổ sung quy định về giải quyết thủ tục cho NNT theo quy trình dự phòng (Điều 37)

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.



3.3. Trách nhiệm thi hành

Điểm mới

Bổ sung quy định trách nhiệm của Tổng cục Thuế đối với việc xây dựng CSDL về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để phục vụ công tác quản lý thuế, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin cho NNT thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật thuế (khoản 1 Điều 40).

Trước đây

Thông tư số 105/2020/TT-BTC chưa có quy định này.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

